

Bản án số: 192/2020/HS-ST

Ngày 30/10/2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂY HỒ, THÀNH PHỐ H

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Đức Cần

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Phụng

Bà Ngô Thị Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết là thư ký Tòa án nhân dân quận T

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Lê Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 189/2020/TLST - HS ngày 01 tháng 10 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 203/2020/QĐ- ST ngày 15 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lò Văn T**, sinh năm 1991. HKTT: Bản Lách, xã C, huyện M, tỉnh S. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Thái. Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 6/12. Nghề nghiệp: Không. Bố: Lò Văn C, sinh năm 1966. Mẹ: Lò Thị B, sinh năm 1967. Gia đình có ba anh em, bị cáo là con thứ hai. Vợ, con: Không. Danh bản chỉ bản số 259 lập ngày 26/3/2020 tại Công an quận Tây Hồ.

Nhân thân:

- Bản án số 51/HSST ngày 24/05/2011, Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La xử phạt 30 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Chấp hành xong 09/04/2013 (đã được xóa án tích)

- Bản án số 237/HSST ngày 05/10/2018, Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La xử phạt 21 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Chấp hành xong ngày 11/03/2020 (chưa được xóa án tích)

Bị cáo đầu thú ngày 15/6/2020. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số I - Công an thành phố Hà Nội

(có mặt tại phiên tòa)

Bào chữa cho bị cáo Lò Văn T; Ông Trương Công Đ; Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Sở tư pháp thành phố Hà Nội (Có mặt)

Người bị hại: Anh Hồ Chí A, sinh năm 1993; HKTT: Thôn 3 xã Tân S, huyện Q, tỉnh N (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 14/6/2020, T đi bộ từ nhà trọ đến lán công trình xây dựng SCG thuộc cụm 1 phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội để chơi với bạn cũng là công nhân công trình. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, T đi về thì thấy chiếc xe máy nhãn hiệu Motostar màu xanh không có biển kiểm soát của anh Hồ Chí Ánh (Sinh năm 1993 - Trú tại: Thôn 3, xã Tân Sơn, huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An) để ở sân cách đó khoảng 20 mét về phía cổng, đầu xe hướng vào tường của dãy nhà ở của công nhân, đuôi xe hướng về phía cổng ra ngoài đường. T biết chiếc xe không cần chìa khóa vẫn có thể nổ máy nên T đã nảy sinh ý định lấy trộm chiếc xe này. Quan sát xung quanh không có người trông giữ, T tiến lại gần chiếc xe rồi gạt chân chống, dùng hai tay dắt lùi xe, quay đầu xe hướng ra phía cổng. T ngồi lên xe rồi nổ máy đi đến khu vực công viên Hoà Bình bán chiếc xe cho một người đàn ông không quen biết được số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) và đã chi tiêu cá nhân hết. Sau đó, anh A phát hiện bị mất trộm xe nên kiểm tra camera an ninh thì thấy T là người lấy trộm chiếc xe trên, anh Ánh đã có đơn trình báo gửi Công an phường Phú Thượng. Ngày 15/06/2020, T đến Cơ quan Công an để đầu thú.

Tại Cơ quan Công an, T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như trên, lời khai của T phù hợp với lời khai của bị hại, nhân chứng và các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án.

Tiến hành cho Xem nội dung camera ghi hình, Xác nhận người nam giới trong đoạn ghi hình đã lấy trộm chiếc xe máy của anh Ánh chính là T.

Tại Kết luận định giá tài sản số 98/KL-HĐĐG ngày 18/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự - UBND quận Kết luận: chiếc xe máy nhãn hiệu Motostar bị T chiếm đoạt có trị giá 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Anh A khai: Anh Ánh là chủ sở hữu chiếc xe nhãn hiệu Motostar màu xanh BKS: 29R3-0055. Khoảng tháng 02/2020, anh Ánh mua xe của một người đàn ông không quen biết với giá 5.000.000đ (năm triệu đồng). Anh Ánh giao chiếc xe máy trên cho anh Lò Văn K (Sinh năm 1994 - Trú tại xã Chiềng San, huyện M, tỉnh S) là công nhân của anh A sử dụng, quá trình công nhân đi lại đã làm rơi mất biển kiểm soát nhưng anh A chưa đi làm lại được. Khoảng 23 giờ ngày 14/6/2020, anh K phát hiện chiếc xe bị T lấy trộm và nên đã báo lại cho anh A.

Kết quả tra cứu chiếc xe máy Motostar màu xanh, biển kiểm soát 29R3-0055, người đứng tên đăng ký là anh Nguyễn Văn K.

Anh Nguyễn Văn K khai: Năm 2002, anh K mua chiếc xe máy nhãn hiệu Motostar màu xanh mang BKS: 29R3-0055 và đứng tên đăng ký. Năm 2018, anh K đã bán chiếc xe cho một người đàn ông không quen biết.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Motostar bị T chiếm đoạt, T khai: Sau khi lấy trộm được chiếc xe, T điều khiển xe đến khu vực công viên Hòa Bình - đường Phạm Văn Đồng, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội tìm người bán chiếc xe. T đã gặp một người nam giới không quen biết đi xe máy Honda Wave màu xanh (không rõ biển kiểm soát) dẫn T đến đầu cổng chào Tổ dân phố Xuân Lộc 1, ngõ 397 Xuân Đình, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội bán cho một người đàn ông (không quen biết) được số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng). T đã cho người nam giới dẫn đường số tiền 100.000đ (một trăm nghìn đồng), số tiền còn lại T chi tiêu cá nhân hết.

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận T dẫn giải T đi xác định nơi bán, người nam giới dẫn đường và người đã mua chiếc xe máy tuy nhiên do T không rõ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể nên không làm rõ được. Cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm tang vật vụ án nhưng không có kết quả. Anh Ánh không yêu cầu Cơ quan Công an thu hồi chiếc xe và không yêu cầu T phải bồi thường do giá trị chiếc xe không lớn.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung trên.

Bản cáo trạng số 181/CT - VKS ngày 28/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân quận T quyết định truy tố bị cáo T về tội “ Trộm cắp tài sản” theo khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 điều 173; Điều 38; Điều 5 khoản 1 điều 51; Điều 52 khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù.

Vật chứng vụ án: Không

Dân sự: Không.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Buộc bị cáo nộp sung quỹ nhà nước 500.000đ.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016 của UBTV Quốc Hội về mức thu, miễn giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Người bào chữa phát biểu: Bị cáo T là người dân tộc, khả năng nhận thức pháp luật còn hạn chế, thành khẩn khai báo, giá trị tài sản không lớn. Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, 2 điều 51 Bộ luật hình sự, để cho bị cáo được hưởng chính sách Kn hồng của nhà nước, đặc biệt là người dân tộc. Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ vào nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật, rất hối lỗi và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra – Công an quận Tây Hồ; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Tây Hồ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

2. Về nội dung: Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu chứng cứ khác, đủ cơ sở kết luận:

Hồi 23 giờ ngày 14/06/2020, tại sân công trình xây dựng thuộc cụm 1 phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. Lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu, Tđã có hành vi trộm cắp chiếc xe máy nhãn hiệu Motostar có trị giá là 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) của anh Hồ Chí Ánh.

Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Tội danh và hình phạt được quy định tại điều 173 Bộ luật hình sự. Với giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt nêu trên thì bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo khoản 1 điều 173 của Bộ luật hình sự.

Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận T truy tố hành vi phạm tội của bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm, gây mất trật tự trị an cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Bị cáo không tự tìm việc làm có thu nhập cho bản thân mà chủ động thực hiện hành vi trộm cắp để lấy tiền tiêu sài cá nhân. Nhân thân bị cáo xấu đã bị xét xử nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà vẫn còn vi phạm. Bản án số 237/HSST ngày 05/10/2018, Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La xử phạt 21 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Chấp hành xong ngày 11/3/2020 chưa xóa án tích lại tiếp tục phạm tội do cố ý, vì vậy lần phạm tội này của bị cáo là tái phạm. Do vậy, cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, cách ly bị cáo khỏi đời sống chung xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo. Tuy nhiên khi lượng hình hội đồng xét xử cũng xem xét thái độ khai báo thành khẩn của bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng theo điểm h khoản 1 điều 52 của Bộ luật hình sự (tái phạm).

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai nhận tội; Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự.

Về dân sự: Không

Vật chứng vụ án: Không.

Buộc bị cáo nộp 500.000đ tiền thu lời bất chính.

Bị cáo phải nộp án phí hình sự.

Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Lò Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng khoản 1 điều 173; Điều 38; Điểm s khoản 1 điều 51; Điểm h khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lò Văn T 09 tháng tù(Chín). Thời hạn tù tính từ ngày đầu thứ 15/6/2020.

Về dân sự: Không

Vật chứng vụ án: Không

Buộc bị cáo nộp sung quỹ nhà nước 500.000đ

Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí HSST.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng
- VKS ND quận T
- Công an quận T
- Chi cục THA dân sự quận T
- Lưu HS

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đào Đức Cần